|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 02 trang*) | **KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020**  **Môn: TIẾNG ANH - Lớp 8 (2 kĩ năng)**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)    **ĐỀ A** |

***I. Ngữ âm (1 điểm)***

***\* Chọn 1 từ có phần gạch dưới được phát âm khác với phần gạch dưới của các từ còn lại trong mỗi câu sau (0.5 điểm)***

1. **A.** tiger **B.** assistant **C.** wife **D.** smile

2. A. kitchen **B.** chat **C.** chemical **D.** children

***\* Chọn 1 từ có trọng âm chính ở vị trí khác với vị trí các từ còn lại trong mỗi câu sau (0.5 điểm)***

3. **A.** cupboard **B.** device **C.** service **D.** steamer

4. **A.** develop **B.** establish **C.** encourage **D.** emigrate

***II. Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hay D) để hoàn thành mỗi câu sau (2.5 điểm)***

1. It is interesting \_\_\_\_\_\_\_\_\_ English.

**A.** learn **B.** learning **C.** to learn **D.** learnt

2. We \_\_\_\_\_\_\_\_\_ in Hanoi for two years.

**A.** lives **B.** has lived **C.** are living **D.** have lived

3. My younger sister did her homework \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** himself **B.** herself **C.** myself **D.** themselves

4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ is necessary in learning English words.

**A.** Revise **B.** Revision **C.** Reviser **D.** To revise

5. We had a wonderful party \_\_\_\_\_\_\_\_\_ January, 2018.

**A.** in **B.** at **C.** on **D.** for

6. They were not \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to win the match.

**A.** enough lucky **B.** enough luck **C.** lucky enough **D.** luck enough

**7.** ***Ba:*** “\_\_\_\_\_\_\_\_\_ time do you spend on Maths?

***Nga:***  “Two hours a day.”

**A.** What **B.** Why **C.** How much **D.** How many

8. My grandmother used to \_\_\_\_\_\_\_\_\_ badminton when she was young.

**A.** playing **B.** plays **C.** play **D.** played

9. ***Mai:*** “Can you help me carry these bags?”

***Nam:*** “\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

**A.** I need a favor. **B.** Certainly.

**C.** Thank you. **D.** Can you help me?

10. ***Lan:*** “What does your English teacher look like?”

***Hoa:*** “\_\_\_\_\_\_\_\_\_”  
 **A.** She looks sad. **B.** She likes fish.

**C.** She is kind. **D.** She is tall.

***III. Đọc đoạn văn sau và làm bài tập A, B bên dưới. (3.5điểm)***

Do you have any close friends? I think everybody at (1)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ has one close friend in their life, and so do I. I have two close friends, Hanh and Mai. We were in the same class (2)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ we were in the primary school and secondary school. We are also neighbors, so we spend most of our time on learning and playing together. Hanh is a beautiful girl. She is an intelligent student who is always at the top of the class. She is quite reserved (3)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ public. She likes reading in the peace and quiet of the library. Mai isn’t as beautiful as Hanh, but she has a lovely smile and looks very healthy. Mai is very sporty. She spends most of her free time on playing sports. Mai is a volleyball star of our school. She is also very sociable and has a good sense of humor. Her jokes always make us laugh. I love both of my friends and I always hope our (4)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ will never die.

***A.* *Chọn từ trong khung để điền vào chỗ trống trong đoạn văn. Có 1 từ thừa (2 điểm)***

|  |
| --- |
| in when friendship least school |

***B. Trả lời các câu hỏi sau: (1.5 điểm)***

1. Were the writer, Hanh and Mai in different classes when they were in the primary school and secondary school?

……………………………………………………………………………………….

2.Does Mai like playing sports in her free time?

……………………………………………………………………………………….

3. Who has a lovely smile and looks very healthy?

……………………………………………………………………………………….

***IV. Viết (3 điểm)***

***\* Đặt câu hỏi cho cụm từ được gạch dưới: (1.0 điểm)***

1. We must put all chemicals and drugs in blocked cupboards because children often try to eat and drink them?

→……………………………………………………………………………………….

2.  The man standing next to the taxi is wearing a yellow shirt and black trousers.

→……………………………………………………………………………………….

***\* Sắp xếp các từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa: (1.0 điểm)***

3. my teacher / improve / I / English pronunciation / should / said / my/.

→………………………………………………………………………………….........

4. collect garbage / students in our school / trees / are / going / Sunday / to / next / plant / along / and / the center streets /.

→………………………………………………………………………………….….……………………………………………………………………………………………..

***\* Hoàn thành câu thứ 2 sao cho nghĩa không thay đổi với câu thứ nhất: (1.0 điểm)***

5. The last time I saw her was in 2012.

→I haven’t …………………………………………………………………………......

6. That car is so expensive that they can’t buy it.

→That car isn’t ………………………………………………………………………...

----------------------------------------HẾT----------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **QUẢNG NAM** | **KIỂM TRA HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019-2020**  **Môn: TIẾNG ANH LỚP 8 - (2 kĩ năng)**  Thời gian làm bài: 45 phút  **ĐỀ A** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. (1,0 điểm). Mỗi câu chọn đúng đạt 0,25 điểm**

1. B (assistant)

2. C (chemical)

3. B (device)

4. D (emigrate)

**II. (2,5 điểm). Mỗi câu chọn đúng đạt 0,25 điểm**

1. C (to learn)

2. D (have lived)

3. B (herself)

4. B (Revision)

5. A (in)

6. C (lucky enough)

7. C (How much)

8. C (play)

9. B (Certainly.)

10. D (She is tall.)

**III. (3,5 điểm):**

**A. (2,0 điểm). Làm đúng mỗi câu đạt 0,5 điểm**

1. least 2. when

3. in 4. friendship

**B. (1,5 điểm). Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,5 điểm**

1. No, they weren’t.

2. Yes, she does.

3. Mai (has a lovely smile and looks very healthy).

\* Nếu bài làm của học sinh không có nội dung trong ngoặc đơn giám khảo vẫn cho điểm tối đa.

**IV. (3 điểm). Mỗi câu làm đúng trọn vẹn đạt 0,5 điểm**

\* Tùy theo mức độ đạt được của bài làm, giáo viên quyết định điểm cho phù hợp

1. Why must we put all chemicals and drugs in blocked cupboards?/ Why do we have to put all chemicals and drugs in blocked cupboards?

2. What is the man standing next to the taxi wearing?

3. My teacher said I should improve my English pronunciation.

4. Students in our school are going to collect garbage and plant trees / *plant trees and collect garbage* along the center streets next Sunday. / Next Sunday, students in our school are going to collect garbage and plant trees / *plant trees and collect garbage* along the center streets.

5. seen her since 2012.

6. cheap/ affordable enough for them to buy.

----------------------------------------HẾT----------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **QUẢNG NAM**  ĐỀ CHÍNH THỨC    (*Đề gồm có 02 trang*) | **KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020**  **Môn: TIẾNG ANH - Lớp 8 (2 kĩ năng)**  Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)    **ĐỀ B** |

***I. Ngữ âm (1 điểm)***

***\* Chọn 1 từ có phần gạch dưới được phát âm khác với phần gạch dưới của các từ còn lại trong mỗi câu sau (0.5 điểm)***

1. **A.** assistant **B.** tiger **C.** wife **D.** smile

2. **A.** kitchen **B.** chat **C.** children **D.** chemical

***\* Chọn 1 từ có trọng âm chính ở vị trí khác với vị trí các từ còn lại trong mỗi câu sau (0.5 điểm)***

3. **A.** cupboard **B.** service **C.** device **D.** steamer

4. **A.** develop **B.** emigrate **C.** establish **D.** encourage

***II. Chọn phương án đúng nhất (A, B, C hay D) để hoàn thành mỗi câu sau (2.5 điểm)***

1. It is interesting \_\_\_\_\_\_\_\_\_ English.

**A.** to learn **B.** learn **C.** learning **D.** learnt

2. We \_\_\_\_\_\_\_\_\_ in Hanoi for two years.

**A.** lives **B.** has lived **C.** have lived **D.** are living

3. My younger sister did her homework \_\_\_\_\_\_\_\_\_.

**A.** himself **B.** myself **C.** themselves **D.** herself

4. \_\_\_\_\_\_\_\_\_ is necessary in learning English words.

**A.** Revision **B.** Revise **C.** Reviser **D.** To revise

5. We had a wonderful party \_\_\_\_\_\_\_\_\_ ` January, 2018.

**A.** at **B.** in **C.** on **D.** for

6. They were not \_\_\_\_\_\_\_\_\_ to win the match.

**A.** enough lucky **B.** enough luck **C.** luck enough **D.** lucky enough

**7.** ***Ba:*** “\_\_\_\_\_\_\_\_\_ time do you spend on Maths?

***Nga:***  “Two hours a day.”

**A.** What **B.** How much **C.** Why **D.** How many

8. My grandmother used to \_\_\_\_\_\_\_\_\_ badminton when she was young.

**A.** playing **B.** plays **C.** play **D.** played

9. ***Mai:*** “Can you help me carry these bags?”

***Nam:*** “\_\_\_\_\_\_\_\_\_”

**A.** I need a favor. **B.** Can you help me?

**C.** Thank you. **D.** Certainly.

10. ***Lan:*** “What does your English teacher look like?”

***Hoa:*** “\_\_\_\_\_\_\_\_\_”  
 **A.** She looks sad. **B.** She likes fish.

**C.** She is tall. **D.** She is kind.

***III. Đọc đoạn văn sau và làm bài tập A, B bên dưới. (3.5điểm)***

Do you have any close friends? I think everybody at (1)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ has one close friend in their life, and so do I. I have two close friends, Hanh and Mai. We were in the same class (2)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ we were in the primary school and secondary school. We are also neighbors, so we spend most of our time on learning and playing together. Hanh is a beautiful girl. She is an intelligent student who is always at the top of the class. She is quite reserved (3)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ public. She likes reading in the peace and quiet of the library. Mai isn’t as beautiful as Hanh, but she has a lovely smile and looks very healthy. Mai is very sporty. She spends most of her free time on playing sports. Mai is a volleyball star of our school. She is also very sociable and has a good sense of humor. Her jokes always make us laugh. I love both of my friends and I always hope our (4)\_\_\_\_\_\_\_\_\_ will never die.

***A.* *Chọn từ trong khung để điền vào chỗ trống trong đoạn văn. Có 1 từ thừa (2 điểm)***

|  |
| --- |
| in when friendship least school |

***B. Trả lời các câu hỏi sau: (1.5 điểm)***

1. Were the writer, Hanh and Mai in different classes when they were in the primary school and secondary school?

……………………………………………………………………………………….

2.Does Mai like playing sports in her free time?

……………………………………………………………………………………….

3. Who has a lovely smile and looks very healthy?

……………………………………………………………………………………….

***IV. Viết (3 điểm)***

***\* Đặt câu hỏi cho cụm từ được gạch dưới: (1.0 điểm)***

1. We must put all chemicals and drugs in blocked cupboards because children often try to eat and drink them?

→……………………………………………………………………………………….

2.  The man standing next to the taxi is wearing a yellow shirt and black trousers.

→……………………………………………………………………………………….

***\* Sắp xếp các từ bị xáo trộn thành câu có nghĩa: (1.0 điểm)***

3. said / my / improve / I / my teacher / English pronunciation / should /.

→………………………………………………………………………………….........

4. trees / are / going / collect garbage / students in our school / Sunday / to / next / plant / along / and / the center streets /.

→………………………………………………………………………………….….……………………………………………………………………………………………..

***\* Hoàn thành câu thứ 2 sao cho nghĩa không thay đổi với câu thứ nhất: (1.0 điểm)***

5. The last time I saw her was in 2012.

→I haven’t …………………………………………………………………………......

6. That car is so expensive that they can’t buy it.

→That car isn’t ………………………………………………………………………...

----------------------------------------HẾT----------------------------------------

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **QUẢNG NAM** | **KIỂM TRA HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2019-2020**  **Môn: TIẾNG ANH LỚP 8 - (2 kĩ năng)**  Thời gian làm bài: 45 phút  **ĐỀ B** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. (1,0 điểm). Mỗi câu chọn đúng đạt 0,25 điểm**

1. A (assistant)

2. D (chemical)

3. C (device)

4. B (emigrate)

**II. (2,5 điểm). Mỗi câu chọn đúng đạt 0,25 điểm**

1. A (to learn)

2. C (have lived)

3. D (herself)

4. A (Revision)

5. B (in)

6. D (lucky enough)

7. B (How much)

8. C (play)

9. D (Certainly.)

10. C (She is tall.)

**III. (3,5 điểm):**

**A. (2,0 điểm). Làm đúng mỗi câu đạt 0,5 điểm**

1. least 2. when

3. in 4. friendship

**B. (1,5 điểm). Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,5 điểm**

1. No, they weren’t.

2. Yes, she does.

3. Mai (has a lovely smile and looks very healthy).

\* Nếu bài làm của học sinh không có nội dung trong ngoặc đơn giám khảo vẫn cho điểm tối đa.

**IV. (3 điểm). Mỗi câu làm đúng trọn vẹn đạt 0,5 điểm**

\* Tùy theo mức độ đạt được của bài làm, giáo viên quyết định điểm cho phù hợp

1. Why must we put all chemicals and drugs in blocked cupboards?/ Why do we have to put all chemicals and drugs in blocked cupboards?

2. What is the man standing next to the taxi wearing?

3. My teacher said I should improve my English pronunciation.

4. Students in our school are going to collect garbage and plant trees / *plant trees and collect garbage* along the center streets next Sunday. / Next Sunday, students in our school are going to collect garbage and plant trees / *plant trees and collect garbage* along the center streets.

5. seen her since 2012.

6. cheap/ affordable enough for them to buy.

----------------------------------------HẾT----------------------------------------